

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN  
NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 41

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2800799804, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 5 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ nhất ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc bổ sung tên và địa chỉ văn phòng đại diện.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 2 ngày 02 tháng 8 năm 2007 về việc thay đổi vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 3 ngày 16 tháng 4 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 ngày 12 tháng 7 năm 2010 về việc đổi tên và địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 ngày 06 tháng 8 năm 2015 về việc đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 6 ngày 29 tháng 07 năm 2016 về việc thay đổi vốn điều lệ.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 046.2699988
- Fax : 046.2699977

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; Kinh doanh Bất động sản;
- Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); tư vấn quản lý dự án (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Thẩm tra các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram, quặng kim loại quý hiếm (Không bao gồm xuất khẩu vàng quặng nguyên liệu);
- Khai thác đất đá, cát sỏi, đất sét.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vương Hoàng Minh	Chủ tịch	01 tháng 7 năm 2015
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014
Ông Thân Thế Hà	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014
Ông Lê Văn An	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014
Ông Vũ Đức Quang	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014
Ông Lã Minh Văn	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014
Ông Phạm Bảo Long	Ủy viên	01 tháng 7 năm 2015

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trưởng ban	26 tháng 3 năm 2014
Bà Nghiêm Quỳnh Chi	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014
Ông Vũ Văn Mạnh	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Bảo Long	Tổng Giám đốc	01 tháng 07 năm 2015
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc	01 tháng 11 năm 2016

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Bảo Long - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *Phạm Bảo Long*

**Phạm Bảo Long**  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 02 năm 2017



**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 70/2017/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG  
VINACONEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2017, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1*

**Ngô Thị Lệ Quyên - Kiểm toán viên**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2523-2014-008-1*

TP. Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>149.153.701.356</b>	<b>72.331.527.084</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>38.689.645.817</b>	<b>22.760.822.778</b>
1. Tiền	111		10.689.645.817	22.760.822.778
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>438.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	438.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>97.363.802.716</b>	<b>36.890.318.031</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	24.083.720.623	13.903.747.683
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	29.356.473.262	11.103.672.207
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	43.923.608.831	11.882.898.141
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>8.226.681.814</b>	<b>10.590.007.205</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	8.226.681.814	10.590.007.205
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.435.571.009</b>	<b>2.090.379.070</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	-	7.868.190
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.365.991.632	2.082.510.880
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	69.579.377	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.256.055.342.134</b>	<b>1.160.070.979.120</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.030.375.886.957</b>	<b>1.093.353.269.734</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	849.612.978.633	909.513.438.333
<i>Nguyên giá</i>	222		1.231.612.532.709	1.231.109.422.073
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(381.999.554.076)	(321.595.983.740)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	180.762.908.324	183.839.831.401
<i>Nguyên giá</i>	228		200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(19.237.091.676)	(16.160.168.599)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.10	<b>205.866.677.967</b>	<b>49.341.767.756</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		205.866.677.967	49.341.767.756
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.812.777.210</b>	<b>17.375.941.630</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	19.812.777.210	17.375.941.630
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.405.209.043.490</b>	<b>1.232.402.506.204</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>773.148.741.377</b>	<b>603.187.161.103</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>318.045.691.263</b>	<b>201.421.401.818</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	36.338.687.403	9.009.903.829
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	10.657.637.371	9.219.415.101
4. Phải trả người lao động	314		550.897.570	3.199.598.378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	3.003.599.727	4.439.563.565
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	16.597.125.583	8.990.940.465
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	250.747.860.960	166.101.327.831
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	149.882.649	460.652.649
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>455.103.050.114</b>	<b>401.765.759.285</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	204.687.945	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	454.898.362.169	401.765.759.285
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

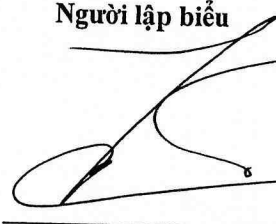
Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội


## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>632.060.302.113</b>	<b>629.215.345.101</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>632.060.302.113</b>	<b>629.215.345.101</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		455.999.950.000	455.999.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		455.999.950.000	455.999.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.115.930.531	146.665.395.101
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43.371.603.601	146.665.395.101
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		69.744.326.930	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		62.944.421.582	26.550.000.000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.405.209.043.490</b>	<b>1.232.402.506.204</b>

Người lập biểu  
  
Nguyễn Văn Thắng

Kế toán trưởng  
  
Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2017  
Tổng Giám đốc  
  
Phạm Bảo Long



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

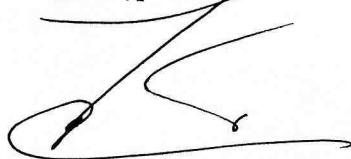
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	228.390.764.679	323.229.632.116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		228.390.764.679	323.229.632.116
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	124.075.934.540	127.409.490.883
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.314.830.139	195.820.141.233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	398.400.554	523.712.819
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.866.233.566	49.894.375.938
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.127.734.452	34.410.478.545
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	18.244.239.134	22.647.801.243
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.602.757.993	123.801.676.871
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.194.841.309	204.595.714
13. Chi phí khác	32	VI.7	26.294.051	-
14. Lợi nhuận khác	40		1.168.547.258	204.595.714
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.771.305.251	124.006.272.585
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.864.551.739	6.517.537.817
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		70.906.753.512	117.488.734.768
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		69.744.326.930	117.488.734.768
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.162.426.582	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.468	2.479
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.468	2.479

Người lập biểu



Nguyễn Văn Thắng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Bảo Long

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.771.305.251	124.006.272.585
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		64.274.205.868	64.068.997.862
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	1.409.767.259	8.523.682.899
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.6	(168.368.317)	(521.293.940)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7.127.734.452	34.410.478.545
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		148.414.644.513	230.488.137.951
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(62.826.544.814)	19.729.559.580
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.363.325.391	(8.893.076.230)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		57.886.428.626	16.467.877.005
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.428.967.390)	3.797.503.073
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.563.698.290)	(36.941.097.329)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.126.606.976)	(4.603.591.411)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	20.175.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.324.568.000)	(9.751.365.769)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>123.394.013.060</b>	<b>210.314.121.870</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(157.821.733.302)	(36.490.790.942)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		168.368.317	138.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(438.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	382.566.668
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(158.091.364.985)</b>	<b>(35.969.497.002)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		
		Năm nay	Năm nay	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	749.910.601.635	222.369.925.856	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(613.541.232.881)	(317.996.852.893)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(85.743.193.790)	(86.792.410.500)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>50.626.174.964</i>	<i>(182.419.337.537)</i>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>15.928.823.039</b>	<b>(8.074.712.669)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>22.760.822.778</b>	<b>30.835.535.447</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>38.689.645.817</b>	<b>22.760.822.778</b>

Người lập biểu

Nguyễn Văn Thắng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Bảo Long

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh điện năng, kinh doanh bất động sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

#### 5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Tầng 2, Khu quản lý điều hành các công trình Thủy điện, xã Cẩm Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh điện năng	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Tầng 2, Khu quản lý điều hành các công trình Thủy điện, xã Cẩm Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh điện năng	51%	51%	51%	51%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 157 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 151 nhân viên).

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

M.S.C.N



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản vay có gốc ngoại tệ: tỷ giá do Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thông báo.

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

## 5. Các khoản đầu tư tài chính

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước Công ty chủ yếu là chi phí thuê trụ sở, công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

#### *Tiền thuê văn phòng trả trước*

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả mà Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (174 tháng).

### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc và thiết bị	3 - 15

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Cây lâu năm	3

### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 65 năm

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.  
Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền***

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **18. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### 19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

### 20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 23. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.998.073.485	5.842.101.083
Tiền gửi ngân hàng	5.691.572.332	16.918.721.695
Các khoản tương đương tiền	28.000.000.000	
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	28.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>38.689.645.817</u></b>	<b><u>22.760.822.778</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Chi nhánh Thăng Long.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.397.250</i>	-
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4	4.397.250	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>24.079.323.373</i>	<i>13.903.747.683</i>
Công ty Mua bán điện	21.593.567.248	9.595.023.623
Ban QLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	-	4.196.849.000
Các khách hàng khác	2.485.756.125	111.875.060
<b>Cộng</b>	<b><u>24.083.720.623</u></b>	<b><u>13.903.747.683</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>13.787.458.163</i>	<i>3.093.524.000</i>
Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp	3.742.669.900	3.093.524.000
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4	10.044.788.263	
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>15.569.015.099</i>	<i>8.010.148.207</i>
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	13.580.609.900	
Zhejiang Jinlun Electromechanic Co., Ltd		5.838.856.630
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5		1.304.588.600
Các nhà cung cấp khác	1.988.405.199	866.702.977
<b>Cộng</b>	<b><u>29.356.473.262</u></b>	<b><u>11.103.672.207</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>999.440.000</b>		<b>1.095.440.000</b>	
Phụ cấp HĐQT, BKS	999.440.000		1.095.440.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>42.924.168.831</b>		<b>10.787.458.141</b>	
Thuế TNCN phải thu CBNV	397.059.712		394.140.586	
Phải thu về hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	36.700.511.129		5.200.511.129	
Các khoản ký quỹ, ký cược	790.276.679		2.990.950.553	
Tạm ứng	4.453.530.427		1.724.933.925	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	582.790.884		476.921.948	
<b>Cộng</b>	<b>43.923.608.831</b>		<b>11.882.898.141</b>	

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	8.226.681.814		5.426.535.347	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang			5.163.471.858	
<b>Cộng</b>	<b>8.226.681.814</b>		<b>10.590.007.205</b>	

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	12.054.042.770	13.488.968.082
Chi phí công cụ dụng cụ	6.189.590.813	2.405.820.640
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	910.748.241	971.631.076
Các chi phí trả trước dài hạn khác	658.395.386	509.521.832
<b>Cộng</b>	<b>19.812.777.210</b>	<b>17.375.941.630</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	679.755.040.958	539.207.975.798	10.951.737.198	1.194.668.119		1.231.109.422.073
Mua trong năm			1.199.819.091	67.004.000	30.000.000	1.296.823.091
Thanh lý, nhượng bán			(707.212.455)	(86.500.000)		(793.712.455)
<b>Số cuối năm</b>	<b>679.755.040.958</b>	<b>539.207.975.798</b>	<b>11.444.343.834</b>	<b>1.175.172.119</b>	<b>30.000.000</b>	<b>1.231.612.532.709</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Cộng
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		975.278.614	2.299.959.026	730.897.122		4.006.134.762
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	137.387.616.982	177.459.226.409	5.856.033.666	893.106.683		321.595.983.740
Khấu hao trong năm	23.953.284.506	35.975.926.328	1.187.309.987	76.595.305	4.166.665	61.197.282.791
Thanh lý, nhượng bán			(707.212.455)	(86.500.000)		(793.712.455)
<b>Số cuối năm</b>	<b>161.340.901.488</b>	<b>213.435.152.737</b>	<b>6.336.131.198</b>	<b>883.201.988</b>	<b>4.166.665</b>	<b>381.999.554.076</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	542.367.423.976	361.748.749.389	5.095.703.532	301.561.436		909.513.438.333
<b>Số cuối năm</b>	<b>518.414.139.470</b>	<b>325.772.823.061</b>	<b>5.108.212.636</b>	<b>291.970.131</b>	<b>25.833.335</b>	<b>849.612.978.633</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 842.246.508.441 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**9. Tài sản cố định vô hình**

Là Quyền sử dụng đất có thời hạn:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	200.000.000.000	16.160.168.599	183.839.831.401
Tăng trong năm		3.076.923.077	
Giảm trong năm			(3.076.923.077)
<b>Số cuối năm</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>19.237.091.676</b>	<b>180.762.908.324</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	49.341.767.756	156.524.910.211		205.866.677.967
Công trình thủy điện Xuân Mỹ		91.832.017		91.832.017
Công trình thủy điện Xuân Khao		195.715.599		195.715.599
Công trình nhà máy Thủy điện Bái Thượng	34.159.816.141	110.082.417.235		144.242.233.376
Công trình nhà máy Thủy điện Xuân Minh	15.181.951.615	46.154.945.360		61.336.896.975
<b>Cộng</b>	<b>49.341.767.756</b>	<b>156.524.910.211</b>		<b>205.866.677.967</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>5.652.721.545</b>	-
Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng	5.652.721.545	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>30.685.965.858</b>	<b>9.009.903.829</b>
Chi cục di dân tỉnh Thanh Hóa	3.004.403.983	3.004.403.983
Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Thương mại 68	33.269.783	3.547.475.654
Zhejiang Jinlun Electromechanic Co., Ltd	11.897.007.090	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	11.336.417.810	1.814.471.446
Các nhà cung cấp khác	4.414.867.192	643.552.746
<b>Cộng</b>	<b><u>36.338.687.403</u></b>	<b><u>9.009.903.829</u></b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
		<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	619.324.726	24.867.188.005	(23.584.273.740)	1.902.238.991	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.404.353.060	4.864.551.739	(5.126.606.976)	5.142.297.823	
Thuế thu nhập cá nhân	1.301.432.275	2.459.690.378	(3.830.702.030)		69.579.377
Thuế tài nguyên	821.191.220	20.126.759.585	(18.885.091.788)	2.062.859.017	
Các loại thuế khác	36.000.000	407.676.629	(443.676.629)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.037.113.820	5.651.130.820	(5.138.003.100)	1.550.241.540	
<b>Cộng</b>	<b><u>9.219.415.101</u></b>	<b><u>58.376.997.156</u></b>	<b><u>(57.008.354.263)</u></b>	<b><u>10.657.637.371</u></b>	<b><u>69.579.377</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty mẹ và các Công ty con nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm thứ 3 Công ty mẹ được giảm 50% số thuế phải nộp và là năm đầu tiên Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác của Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế tài nguyên**

Công ty mẹ phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 1.622,01 VND /KWh x thuế suất x Sản lượng.

**Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**  
Là chi phí lãi vay phải trả.

**14. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**

**14a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>16.597.125.583</b>	<b>8.990.940.465</b>
Kinh phí công đoàn	38.485.699	56.864.482
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.560.186	51.499.918
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.448.143.910	3.911.344.200
Phải trả Cục thuế TP Hà Nội	-	4.800.035.689
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.107.935.788	171.196.176
<b>Cộng</b>	<b><u>16.597.125.583</u></b>	<b><u>8.990.940.465</u></b>

**14b. Phải trả dài hạn khác**  
Là khoản nhận ký quỹ, ký cược.

**15. Vay ngắn hạn/dài hạn**

**15a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<b>40.863.115.334</b>	<b>40.690.133.749</b>
Vay ngắn hạn bà Đinh Thái Hà	1.320.000.000	1.616.941.000
Vay dài hạn đến hạn trả Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	39.543.115.334	39.073.192.749
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>209.884.745.626</b>	<b>125.411.194.082</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	56.399.745.626	50.395.569.983
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội		15.701.461.218
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (i)	22.000.000.000	25.592.108.012
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình (ii)	12.257.854.837	9.102.000.753
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương (iii)	10.583.031.245	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam(iv)	11.558.859.544	
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	17.600.000.000	
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (v)	14.600.000.000	
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng (vi)	3.000.000.000	
Vay ngắn hạn các cá nhân (vii)	98.885.000.000	2.245.000.000
- Bà Phan Thị Loan	11.466.000.000	-
- Bà Phí Thu Trà	13.700.000.000	-
- Bà Lê Thị An	10.000.000.000	-
- Vay ngắn hạn cá nhân khác	63.719.000.000	2.245.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	37.000.000.000	72.770.624.099
<b>Cộng</b>	<b><u>250.747.860.960</u></b>	<b><u>166.101.327.831</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 173/2014/HDHM-PN/SHB.110600 ngày 08 tháng 07 năm 2014 để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh (mục đích cụ thể được thể hiện trên từng giấy nhận nợ) với lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng từ ngày ký hợp đồng, thời hạn mỗi khoản vay được quy định theo từng kế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền thu từ hoạt động bán điện chuyển về tài khoản của công ty tại ngân hàng.
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình theo từng hợp đồng vay để thanh toán tiền thuê tài nguyên, phí dịch vụ với thời hạn vay 05 tháng.
- (iii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo từng hợp đồng vay để thanh toán chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015, thời hạn vay 06 tháng.
- (iv) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng vay số 81/16/HDHM/5C96 ngày 28 tháng 6 năm 2016, giá trị hạn mức là 20 tỷ, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 06 tháng.
- (v) Khoản vay Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp theo hợp đồng vay ngày 14 tháng 9 năm 2016, giá trị khoản vay là 14,6 tỷ, thời hạn vay đến ngày 30 tháng 12 năm 2016, lãi suất 6,5%/năm và được gia hạn thêm.
- (vi) Khoản vay Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng theo hợp đồng vay ngày 29 tháng 9 năm 2016, giá trị khoản vay là 3 tỷ, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất 6,5%/năm.
- (vii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 06 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	50.395.569.983	187.414.724.386		(181.410.548.743)	56.399.745.626
Vay ngắn hạn các tổ chức khác		17.600.000.000		-	17.600.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.861.941.000	143.455.000.000		(47.111.941.000)	100.205.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	111.843.816.848		76.543.115.334	(111.843.816.848)	76.543.115.334
<b>Cộng</b>	<b>166.101.327.831</b>	<b>348.469.724.386</b>	<b>76.543.115.334</b>	<b>(340.366.306.591)</b>	<b>250.747.860.960</b>

### 15b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay phải trả các bên liên quan</b>	<b>79.086.226.580</b>	<b>117.219.574.655</b>
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam(i)	79.086.226.580	117.219.574.655
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức</b>	<b>375.812.135.589</b>	<b>284.546.184.630</b>
Vay dài hạn ngân hàng	375.812.135.589	284.546.184.630
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi	247.354.938.125	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>nhánh Chương Dương (ii)</i>		
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội		44.437.004.808
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội		108.555.248.420
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tỉnh Thanh Hóa		55.091.336.531
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn (iii)	52.866.680.393	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (iv)	75.590.517.071	21.371.258.340
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa		55.091.336.531
<b>Cộng</b>	<b><u>454.898.362.169</u></b>	<b><u>401.765.759.285</u></b>

- (i) Khoản vay thông qua Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Tổng Công ty Vinaconex) với Ngân hàng BNP Paribas. Theo đó, Tổng Công ty Vinaconex đứng ra vay Ngân hàng BNP Paribas theo các hợp đồng số 27/CD-VNN/2006 với hạn mức là 15.555.000 USD, mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng số 28/CD-VNN/2006 ngày 10/10/2006 với hạn mức là 2.500.000 USD để thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex ký hợp đồng vay lại của Tổng Công ty Vinaconex số tiền trên theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTĐ-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006 và số 02/HĐTĐ-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006 lần lượt tương ứng với 2 hợp đồng trên. Thời hạn cho vay là 13 năm, ân hạn trả nợ gốc là 3 năm; lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng số 01/HĐTĐ-VC-TĐCĐ là lãi suất LIBOR kỳ hạn 6 tháng +0,7%/năm và Hợp đồng số 02/HĐTĐ-VC-TĐCĐ là lãi suất LIBOR USD 6 tháng +1,85%/năm, kỳ hạn thanh toán gốc và lãi của khoản vay là 6 tháng/lần
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương để tái tài trợ khoản vay dài hạn của Bên vay tại 4 tổ chức tín dụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nội; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa mà bên vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Cửa Đạt, thời hạn của khoản vay này là ngày 25 tháng 05 năm 2020, thời gian ân hạn là 0 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm và có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong vòng 02 năm tiếp theo sẽ áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 2,5%/năm. Các năm còn lại sẽ áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 2,7%/năm.
- (iii) Vay dài hạn theo hợp đồng số 016/201/HĐTĐTDH-PN/SHB.110600 ngày 18/01/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn, tổng hạn mức vay là 315.000.000.000 đồng; Mục đích là tài trợ cho dự án thủy điện Xuân Minh, lãi suất nhận nợ cụ thể theo từng lần nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Bảo lãnh thanh toán không hủy ngang, toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản tiền vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội theo hợp đồng vay 373/2014/HĐTĐTDH - PN/SHB.110600 ngày 24/12/2014 số tiền vay 90.000.000.000 VND, được giải ngân nhiều lần; Mục đích vay là đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Bái Thượng tại xã Xuân Khoán tiền vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội theo hợp đồng vay 373/2014/HĐTĐTDH-PN/SHB.110600 ngày 24/12/2014 về số tiền vay 90.000.000.000 VND được giải ngân nhiều lần, mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Bái thượng tại xã

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Xuân Dương - Huyện Xuân Dương - Tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận đầu tư số 26121000040 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 14/11/2013 cho Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng, thanh toán cho các chi phí xây dựng và đầu tư thiết bị hợp lý; Thời gian vay 150 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tư; Lãi suất vay được quy định theo từng kế ước vay; Thời gian ân hạn gốc là 30 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Hình thức đảm bảo bao gồm: Bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex, toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, toàn bộ dòng tiền Dự án thủy điện Bái Thượng về tài khoản của bên cho vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	412.812.135.589	37.000.000.000	300.221.618.518	75.590.517.071
Vay dài hạn tổ chức khác	118.629.341.914	39.543.115.334	79.086.226.580	
<b>Cộng</b>	<b>531.441.477.503</b>	<b>76.543.115.334</b>	<b>379.307.845.098</b>	<b>75.590.517.071</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	357.316.808.729	72.770.624.099	263.174.926.290	21.371.258.340
Vay dài hạn tổ chức khác	156.292.767.404	39.073.192.749	117.219.574.655	
<b>Cộng</b>	<b>513.609.576.133</b>	<b>111.843.816.848</b>	<b>380.394.500.945</b>	<b>21.371.258.340</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Tăng khác do CLTG</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	284.546.184.630	401.440.877.249		(273.174.926.290)	(37.000.000.000)	375.812.135.589
Vay dài hạn các tổ chức khác	117.219.574.655		1.409.767.259		(39.543.115.334)	79.086.226.580
<b>Cộng</b>	<b>401.765.759.285</b>	<b>401.440.877.249</b>	<b>1.409.767.259</b>	<b>(273.174.926.290)</b>	<b>(76.543.115.334)</b>	<b>454.898.362.169</b>

### 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	406.765.000	4.440.868.000	(4.697.750.351)	149.882.649
Quỹ phúc lợi	53.887.649		(53.887.649)	-
<b>Cộng</b>	<b>460.652.649</b>	<b>4.440.868.000</b>	<b>(4.751.638.000)</b>	<b>149.882.649</b>

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### 17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	380.000.000.000	40.215.240.928	162.716.006.405	3.840.000.000	582.931.247.333
Tăng do góp vốn				22.710.000.000	22.710.000.000
Lợi nhuận trong năm trước			117.355.734.768		117.355.734.768
Tăng vốn từ lợi nhuận	11.097.523.072		(11.097.523.072)		

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Tăng vốn từ Quỹ Đầu tư phát triển	64.902.426.928	(64.902.426.928)			
Chia cổ tức năm 2014			(87.400.000.000)		(87.400.000.000)
Trích lập các quỹ		24.687.186.000	(29.624.623.000)		(4.937.437.000)
Chi thường HĐQT, Ban Giám đốc			(5.284.200.000)		(5.284.200.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>455.999.950.000</b>		<b>146.665.395.101</b>	<b>26.550.000.000</b>	<b>625.375.345.101</b>
Số dư đầu năm nay	455.999.950.000		146.665.395.101	26.550.000.000	629.215.345.101
Tăng do góp vốn trong năm				35.231.995.000	35.231.995.000
Lợi nhuận trong năm			69.744.326.930	1.162.426.582	70.906.753.512
Chia cổ tức năm			(97.279.993.500)		(97.279.993.500)
Trích lập các quỹ			(4.440.868.000)		(4.440.868.000)
Thù lao HĐQT, BKS			(1.572.930.000)		(1.572.930.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>455.999.950.000</b>		<b>113.115.930.531</b>	<b>62.944.421.582</b>	<b>632.060.302.113</b>

**17b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.599.995	45.599.995
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	45.599.995	45.599.995
- Cổ phiếu phổ thông	45.599.995	45.599.995
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.599.995	45.599.995
- Cổ phiếu phổ thông	45.599.995	45.599.995

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**17c. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 97.279.993.500
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 4.440.868.000
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 1.572.930.000

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 13,07 USD (số đầu năm là 20,49 USD).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	214.175.824.958	311.381.480.981
Doanh thu cung cấp dịch vụ	209.839.947	45.454.545
Doanh thu kinh doanh bất động sản phân lô bán nền	13.898.339.683	6.241.197.500
Doanh thu hợp đồng xây dựng	106.760.091	5.561.499.090
<b>Cộng</b>	<b><u>228.390.764.679</u></b>	<b><u>323.229.632.116</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	111.651.508.980	117.004.555.374
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	160.548.572	45.454.545
Chi phí kinh doanh bất động sản phân lô bán nền	12.263.876.988	5.242.901.800
Giá vốn hợp đồng xây dựng		5.116.579.164
<b>Cộng</b>	<b><u>124.075.934.540</u></b>	<b><u>127.409.490.883</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	47.500.806	416.605.028
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	350.899.748	2.490.080
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		104.617.711
<b>Cộng</b>	<b><u>398.400.554</u></b>	<b><u>523.712.819</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	41.127.734.452	43.008.561.674
Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	(34.000.000.000)	(8.598.083.129)
Chênh lệch tỷ giá phân bổ		5.954.893.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.409.767.259	8.628.300.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	94.920.755	
Chi phí tài chính khác	3.233.811.100	900.703.713
<b>Cộng</b>	<b><u>11.866.233.566</u></b>	<b><u>49.894.375.938</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.007.510.023	12.218.190.163
Chi phí vật liệu, bao bì	83.680.611	88.236.546
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	989.408.015	941.615.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	656.103.909	776.354.004
Thuế, phí, lệ phí	34.613.818	49.000.000
Chi phí bằng tiền khác	8.472.922.758	8.574.404.737
<b>Cộng</b>	<b><u>18.244.239.134</u></b>	<b><u>22.647.801.243</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ phạt hợp đồng		49.335.126
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	168.368.317	138.727.272
Thu từ thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ		2.918.180
Hạch toán thu nhập chênh lệch tỷ giá năm 2015	965.761.061	
Xử lý công nợ không phải trả nhà cung cấp	60.711.931	
Thu nhập khác		13.615.136
<b>Cộng</b>	<b><u>1.194.841.309</u></b>	<b><u>204.595.714</u></b>

**7. Chi phí khác**

Là khoản phạt chậm nộp thuế và bảo hiểm

**8. Lãi trên cổ phiếu****8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	69.744.326.930	117.488.734.768
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.789.773.077)	(4.425.722.998)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	66.954.553.853	113.063.011.770
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	45.599.995	45.599.995
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.468</u></b>	<b><u>2.479</u></b>

**8b. Thông tin khác**

Như đã trình bày tại thuyết minh số VIII.2, trong năm Công ty đã điều chỉnh lại nguyên giá của một số tài sản cố định. Việc thay đổi chính sách kế toán này làm cho lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cùng kỳ năm trước tăng lên một khoản là 6.410.880.036 VND do đó làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước tăng từ 2.339 VND lên 2.479 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về khoản đi vay ngắn hạn với cá nhân có liên quan – Bà Đinh Thái Hà là vợ của Tổng Giám đốc Công ty với số tiền là 3.220.000.000 VND (số của năm trước là 1.616.941.000).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16a

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.285.389.565	735.351.383
Phụ cấp	112.000.000	576.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.397.389.565</u></b>	<b><u>1.311.351.383</u></b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đông góp vốn
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4	Cổ đông góp vốn
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4	Công ty thuộc Cổ đông góp vốn
Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp	Cổ đông góp vốn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam</b>		
- Phải trả phí bảo lãnh khoản vay	709.120.409	
- Phải trả chi phí lãi vay	5.046.129.651	5.640.948.508
- Trả gốc vay	39.073.192.749	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp</b>		
- Tạm ứng thực hiện gói thầu xây dựng	3.742.669.900	
- Phải trả chi phí xây dựng	13.355.022.941	
<b>Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4</b>		
- Tạm ứng thực hiện hợp đồng thi công xây lắp	10.044.788.263	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ của các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12.

**2. Số liệu so sánh**

Chi phí đền bù hỗ trợ di dân khi thực hiện dự án nhà máy thủy điện Cửa Đạt phát sinh trong năm 2010, công ty phân bổ vào giá trị từng tài sản của nhà máy thủy điện theo tỷ lệ nguyên giá từng tài sản.

Theo nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng quản trị, Công ty thực hiện phân loại lại khoản chi phí này sang theo dõi là Tài sản cố định vô hình và thực hiện khấu hao trong 65 năm. Công ty cũng đã thực hiện điều chỉnh hồi tố báo cáo năm trước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh trên đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Tài sản cố định hữu hình	221	1.058.053.752.796	(148.540.314.463)	909.513.438.333	(i)
- Nguyên giá	222	1.431.109.422.073	(200.000.000.000)	1.231.109.422.073	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(373.055.669.277)	51.459.685.537	(321.595.983.740)	
Tài sản cố định vô hình	227		183.839.831.401	183.839.831.401	(ii)
- Nguyên giá	228		200.000.000.000	200.000.000.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.160.168.599)	(16.160.168.599)	
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	8.544.585.624	674.829.477	9.219.415.101	(iii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	112.040.707.640	34.624.687.461	146.665.395.101	(iv)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Giá vốn hàng bán	11	134.157.785.658	(6.748.294.775)	127.409.490.883	(v)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	189.071.846.458	6.748.294.775	195.820.141.233	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	117.053.382.096	6.748.294.775	123.801.676.871	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	117.257.977.810	6.748.294.775	124.006.272.585	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.180.123.078	337.414.739	6.517.537.817	(vi)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60	111.077.854.732	(6.410.880.036)	117.488.734.768	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.339	140	2.479	

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>					
Lợi nhuận trước thuế	01	117.257.977.810	6.748.294.775	124.006.272.585	
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	70.817.292.637	(6.748.294.775)	64.068.997.862	
(i) Tài sản cố định hữu hình					
<i>Điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>				(200.000.000.000)	
<i>Điều chỉnh giảm giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình</i>				51.459.685.537	
<b>Cộng</b>				<b>(148.540.314.463)</b>	
(ii) Tài sản cố định vô hình					
<i>Điều chỉnh tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>				200.000.000.000	
<i>Điều chỉnh tăng giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình</i>				(16.160.168.599)	
<b>Cộng</b>				<b>183.839.831.401</b>	
(iii) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					
Việc điều chỉnh giảm chi phí khấu hao tài sản cố định dẫn đến lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 35.299.516.933 VND và do đó làm tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2014 và năm 2015 là 674.829.477 VND( từ năm 2013 trở về trước Công ty đang được miễn thuế TNDN).					
(iv) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối					
<i>Giảm chi phí khấu hao tài sản do phân bổ thừa</i>				35.299.516.938	
<i>Tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>				(674.829.477)	
<b>Cộng</b>				<b>34.624.687.461</b>	
(v) Giá vốn hàng bán					
Việc phân loại lại nguyên giá tài sản cố định dẫn đến chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2015 giảm 6.748.294.775 VND và do đó giá vốn hàng bán giảm 6.748.294.775 VND.					
(vi) Chi phí thuế TNDN hiện hành					
Việc điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán dẫn đến lợi nhuận tính thuế năm 2015 tăng 6.748.294.775 VND và do đó làm tăng thuế TNDN hiện hành năm 2015 là 337.414.739 VND.					
<b>5. Quản lý rủi ro tài chính</b>					
Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.					
<b>5a. Rủi ro tín dụng</b>					
Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.					
Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.					

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tập đoàn có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty Mua bán điện với số dư nợ tại ngày kết thúc năm tài chính chiếm 89,66% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 69,01%). Các khách hàng khác có số dư dưới 15% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tất cả các tài sản tài chính của Tập đoàn đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

## **5b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	250.747.860.960	454.898.362.169	75.590.517.071	781.236.740.200
Phải trả người bán	36.338.687.403			36.338.687.403
Các khoản phải trả khác	4.111.535.515	204.687.945		4.316.223.460
<b>Cộng</b>	<b><u>291.198.083.878</u></b>	<b><u>455.103.050.114</u></b>	<b><u>75.590.517.071</u></b>	<b><u>821.891.651.063</u></b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	166.101.327.831	401.765.759.285		567.867.087.116
Phải trả người bán	9.009.903.829			9.009.903.829
Các khoản phải trả khác	4.610.759.741			4.610.759.741
<b>Cộng</b>	<b><u>179.721.991.401</u></b>	<b><u>401.765.759.285</u></b>		<b><u>581.487.750.686</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

### 5c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	13,07	20,49
Vay và nợ	(5.221.362,88)	(6.961.816,90)
<b>(Nợ phải trả thuần) có gốc ngoại tệ</b>	<b>(5.221.348,81)</b>	<b>(6.961.795,41)</b>

Ban Tổng giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền gửi có kỳ hạn	438.000.000			
Vay và nợ	(781.236.740.200)	(5.221.361,88)	(567.867.087.116)	(6.961.815,90)
<b>Nợ phải trả thuần</b>	<b>(780.798.740.200)</b>	<b>(5.221.361,88)</b>	<b>(567.867.087.116)</b>	<b>(6.961.815,90)</b>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2%/năm thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 7.027.188.662 VND (năm trước giảm/tăng 10.414.770.747 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay bằng USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

**5d. Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.689.645.817		22.760.822.778	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	438.000.000			
Phải thu khách hàng	24.083.720.623		13.903.747.683	
Các khoản phải thu khác	38.073.578.692		7.402.367.002	
<b>Cộng</b>	<b>101.284.945.132</b>		<b>44.066.937.463</b>	

**Nợ phải trả tài chính**

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	781.236.740.200	567.867.087.116
Vay và nợ	36.338.687.403	9.009.903.829
Các khoản phải trả khác	4.316.223.460	4.610.759.741
<b>Cộng</b>	<b>821.891.651.063</b>	<b>581.487.750.686</b>

**Giá trị hợp lý**

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

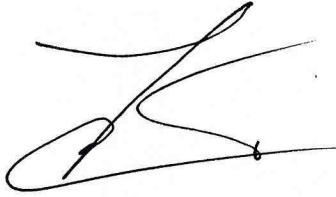
## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Văn Thắng**  
Người lập biểu



**Nguyễn Văn Bình**  
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017.



**Phạm Bảo Long**  
Tổng Giám đốc

